

# Inspiron 14

3000 Series

## Quick Start Guide

Panduan Pengaktifan Cepat

Guía de inicio rápido

Hướng dẫn khởi động nhanh

دليل البدء السريع



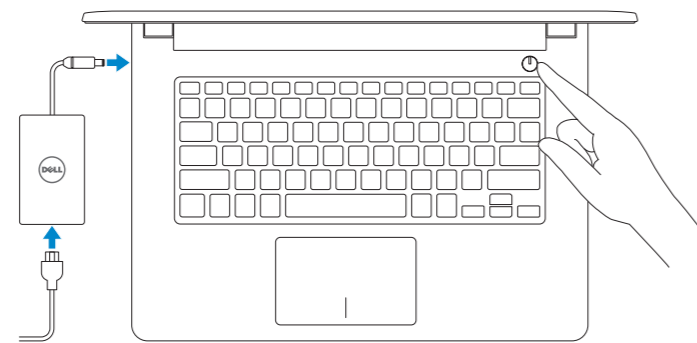
## 1 Connect the power adapter and press the power button

Hubungkan adaptor daya dan tekan tombol daya

Conecte el adaptador de energía y presione el botón de encendido

Kết nối với bộ chuyển đổi nguồn điện và nhấn nút nguồn

توصيل مهايئ التيار والضغط على زر التشغيل



## 2 Finish Windows setup

Tuntaskan penataan Windows | Finalice la configuración de Windows

Hoàn tất cài đặt Windows | إنهاء إعداد Windows



### Set up password for Windows

Atur kata sandi untuk Windows

Configure la contraseña para Windows

Thiết lập mật khẩu cho Windows

إعداد كلمة مرور لنظام التشغيل Windows



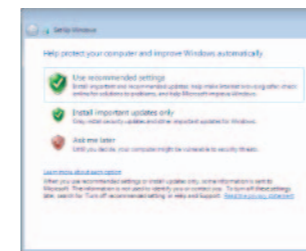
### Connect to your network

Sambungkan ke jaringan Anda

Conéctese a su red

Kết nối vào mạng của bạn

الاتصال بالشبكة



### Protect your computer

Lindungi komputer Anda

Proteja su equipo

Bảo vệ máy tính của bạn

حماية جهاز الكمبيوتر الخاص بك

## For more information

Untuk informasi lebih lanjut | Para obtener más información

Để biết thêm thông tin | لمزيد من المعلومات

To learn about the features and advanced options available on your computer, click **Start** → **All Programs** → **Dell Help Documentation**.

Untuk mempelajari tentang fitur dan opsi lanjutan yang tersedia pada komputer Anda, klik **Mulai** → **Semua Program** → **Dokumentasi Bantuan Dell**.

Para obtener información sobre las funciones y opciones avanzadas disponibles en su equipo, haga clic en **Inicio** → **Todos los programas** → **Documentación de ayuda de Dell**.

Để tìm hiểu về các tính năng và tùy chọn nâng cao có sẵn trên máy tính của bạn, hãy nhấp vào **Start** → **All Programs** → **Dell Help Documentation**.

لكي تتعرف على الميزات والخيارات المتقدمة المتاحة على جهاز الكمبيوتر لديك، انقر فوق ابدأ → كل البرامج → مستندات تعليمات Dell.

### Product support and manuals

Manual dan dukungan produk  
Manuales y soporte técnico de productos  
Hỗ trợ sản phẩm và sách hướng dẫn  
دعم المنتج والدلائل الخاصة به

[dell.com/support](http://dell.com/support)  
[dell.com/support/manuals](http://dell.com/support/manuals)

### Contact Dell

Hubungi Dell | Póngase en contacto con Dell  
Liên hệ Dell | الاتصال بـ Dell

[dell.com/contactdell](http://dell.com/contactdell)

### Regulatory and safety

Regulasi dan keselamatan | Normativa y seguridad  
Quy định và an toàn | ممارسات الأمان والممارسات التنظيمية

[dell.com/regulatory\\_compliance](http://dell.com/regulatory_compliance)

### Regulatory model

Model Regulatori | Modelo normativo  
Model quy định | النموذج التنظيمي

P60G

### Regulatory type

Jenis regulatori | Tipo normativo  
Loại quy định | النوع التنظيمي

P60G001

### Computer model

Model komputer | Modelo de equipo  
Model máy tính | نموذج الكمبيوتر

Inspiron 14-3458

**NOTE:** If you are connecting to a secured wireless network, enter the password for the wireless network access when prompted.

**CATATAN:** Jika Anda menghubungkan ke jaringan nirkabel aman, masukkan kata sandi untuk akses jaringan nirkabel tersebut saat diminta.

**NOTA:** Si se está conectando a una red inalámbrica segura, introduzca la contraseña para acceder a la red inalámbrica cuando se le solicite.

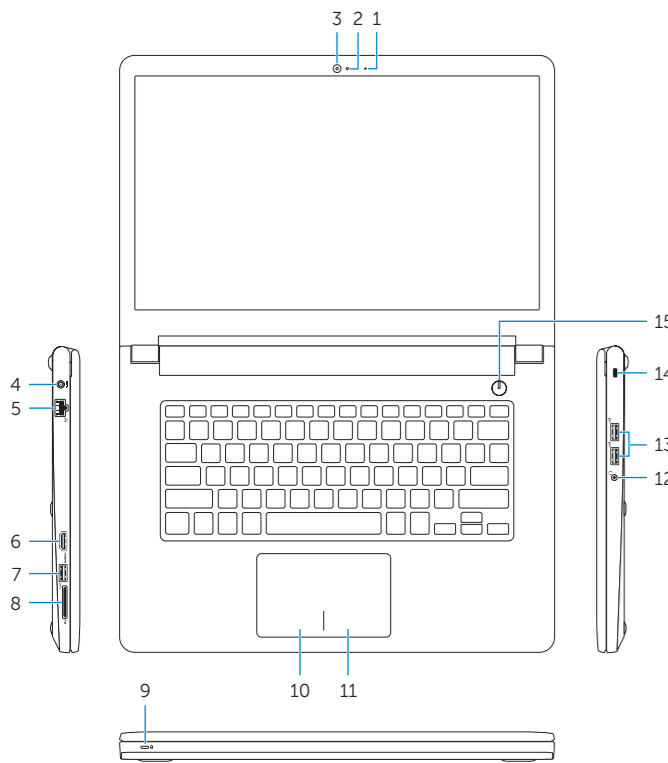
**GHI CHÚ:** Nếu bạn đang kết nối với một mạng không dây bảo mật, hãy nhập mật khẩu để truy cập mạng không dây khi được nhắc.

**ملاحظة:** عند محاولة الاتصال بشبكة لاسلكية آمنة، أدخل كلمة المرور للوصول إلى الشبكة اللاسلكية عندما يطلب ذلك.

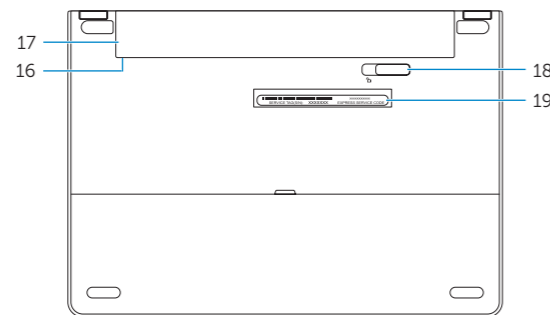


# Features

Fitur | Funciones | Tính năng | الميزات



- 1. Microphone
- 2. Camera-status light
- 3. Camera
- 4. Power-adapter port
- 5. Network port
- 6. HDMI port
- 7. USB 3.0 port
- 8. Media-card reader
- 9. Power and battery-status light/hard-drive activity light
- 10. Left-click area
- 11. Right-click area
- 12. Headset port
- 13. USB 2.0 ports (2)
- 14. Security-cable slot
- 15. Power button
- 16. Regulatory label (in battery bay)
- 17. Battery
- 18. Battery-release latch
- 19. Service Tag label



- 1. Mikrofon
- 2. Lampu status kamera
- 3. Kamera
- 4. Port adaptor daya
- 5. Port jaringan
- 6. Port HDMI
- 7. Port USB 3.0
- 8. Pembaca kartu media
- 9. Lampu status daya dan baterai/lampu aktivitas hard disk
- 10. Area klik kiri
- 11. Area klik kanan
- 12. Port headset
- 13. Port USB 2.0 (2)
- 14. Slot kabel pengaman
- 15. Tombol daya
- 16. Label regulatori (dalam bay baterai)
- 17. Baterai
- 18. Kait pelepas baterai
- 19. Label Tag Servis

- 1. Micrófono
- 2. Indicador luminoso de estado de la cámara
- 3. Cámara
- 4. Puerto de adaptador de alimentación
- 5. Puerto de red
- 6. Puerto HDMI
- 7. Puerto USB 3.0
- 8. Lector de tarjetas multimedia
- 9. Luz de alimentación y estado de la batería/luz de actividad del disco duro
- 10. Área de clic izquierdo
- 11. Área de clic derecho
- 12. Puerto de audífonos
- 13. Puertos USB 2.0 (2)
- 14. Ranura del cable de seguridad
- 15. Botón de encendido
- 16. Etiqueta reglamentaria (en la bahía de la batería)
- 17. Batería
- 18. Pestillo de liberación de la batería
- 19. Etiqueta de servicio

- 1. Micrô
- 2. Đèn trạng thái camera
- 3. Camera
- 4. Cổng bộ chuyển đổi nguồn điện
- 5. Cổng mạng
- 6. Cổng HDMI
- 7. Cổng USB 3.0
- 8. Khe đọc thẻ nhớ
- 9. Đèn tình trạng nguồn và pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng
- 10. Vùng nhấp trái
- 11. Vùng nhấp phải
- 12. Cổng tai nghe
- 13. Cổng USB 2.0 (2)
- 14. Khe cáp bảo vệ
- 15. Nút nguồn
- 16. Nhãn quy định (trong khay pin)
- 17. Pin
- 18. Chốt nhả pin
- 19. Nhãn Thẻ bảo trì

- 1. الميكروفون
- 2. مصباح حالة الكاميرا
- 3. الكاميرا
- 4. منفذ مهايئ التيار
- 5. منفذ الشبكة
- 6. منفذ HDMI
- 7. منفذ USB 3.0
- 8. قارئ بطاقات الوسائط
- 9. ضوء نشاط محرك الأقراص الثابتة/ضوء حالة الطاقة والبطارية
- 10. منطقة النقر الأيسر
- 11. منطقة النقر الأيمن
- 12. منفذ سماعة الرأس
- 13. منافذ USB 2.0 (2)
- 14. فتحة كبل الأمان
- 15. زر التيار
- 16. الملصق التنظيمي (في حيز البطارية)
- 17. البطارية
- 18. قفل تحرير البطارية
- 19. ملصق رمز الخدمة

# Shortcut keys

Tombol pintasan | Teclas de acceso directo

Phím tắt | مفاتيح الاختصار

- F1** **Mute audio**  
Mematikan audio | Silenciar el audio  
Tắt âm | كتم الصوت
- F2** **Decrease volume**  
Menurunkan volume | Bajar el volumen  
Giảm âm lượng | خفض مستوى الصوت
- F3** **Increase volume**  
Meningkatkan volume | Subir el volumen  
Tăng âm lượng | رفع مستوى الصوت
- F4** **Play previous track/chapter**  
Memutar trek/bab sebelumnya | Reproducir pista o capítulo anterior  
Phát bản nhạc/chương trước đó | تشغيل المسار/الفصل السابق
- F5** **Play/Pause**  
Memutar/Menjeda | Reproducir/Pausar  
Phát/Tạm dừng | تشغيل/إيقاف مؤقت
- F6** **Play next track/chapter**  
Memutar trek/bab selanjutnya | Reproducir pista o capítulo siguiente  
Phát bản nhạc/chương kế tiếp | تشغيل المسار/الفصل التالي
- F8** **Switch to external display**  
Mengalihkan ke display eksternal | Cambiar a la pantalla externa  
Chuyển đổi sang màn hình hiển thị bên ngoài | التبديل إلى الشاشة الخارجية
- F9** **Open Search**  
Membuka Pencarian | Abrir Búsqueda  
Mở Tìm kiếm | فتح خاصية البحث
- F11** **Decrease brightness**  
Menurunkan kecerahan | Disminuir brillo  
Giảm độ sáng | تخفيض مستوى السطوع
- F12** **Increase brightness**  
Meningkatkan kecerahan | Aumentar brillo  
Tăng độ sáng | رفع مستوى السطوع

- Fn + Esc** + **Toggle Fn-key lock**  
Mengalihkan kunci tombol Fn  
Alternar bloqueo de la tecla Fn  
Bật tắt khóa phím Fn  
تبدیل قفل مفتاح Fn
- Fn + PrtScr** + **Turn off/on wireless**  
Mengaktifkan/menonaktifkan nirkabel  
Activar/desactivar la función inalámbrica  
Tắt/mở mạng không dây  
تشغيل/إيقاف تشغيل الاتصال اللاسلكي
- Fn + Insert** + **Sleep**  
Tidur | Suspensión  
Chế độ ngủ | السكون
- Fn + H** + **Toggle between power and battery-status light/hard-drive activity light**  
Mengalihkan antara lampu status baterai dan daya/lampu aktivitas hard disk  
Alternar entre el indicador luminoso de estado de la batería y de alimentación/indicador luminosode actividad del disco duro  
Bật tắt giữa đèn nguồn và đèn tình trạng pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng  
التبديل بين مصباح التشغيل وحالة البطارية/مصباح نشاط محرك الأقراص الثابتة
- NOTE:** For more information, see [Specifications at dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- CATAN:** Untuk informasi selengkapnya, lihat [Spesifikasi di dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- NOTA:** Para más información, consultar [Especificaciones en dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin, hãy xem [Thông số kỹ thuật tại dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- ملاحظة:** لمزيد من المعلومات، انظر [المواصفات على العنوان dell.com/support](https://www.dell.com/support).